

## Rosa Luxemburg

# Các vấn đề về tổ chức của phong trào Dân chủ Xã hội Nga [Phê phán quan điểm tập trung dân chủ của Lê-nin<sup>1</sup>]

**Nguồn:** Rosa Luxemburg, *Revolutionary Socialist Organization*, NXB Integer Press, 1934

**Công bố lần đầu tiên:** năm 1904 trên báo *Iskra* và *Neue Zeit*

**Nguồn trên mạng internet:** *Thư khố liên mạng của những người Mác-xít* (Marxists Internet Archive), <http://www.marxists.org/archive/luxemburg/1904/questions-rsd/index.htm>

**Dịch ra tiếng Việt:** Thiết Hoa và Phùng Quang (tháng Tám/2005, USA)

**Giới thiệu và chú thích:** Phùng Quang

### Lời giới thiệu



Rosa Luxemburg (1871-1919) là nhà nữ cách mạng lỗi lạc của phong trào Dân chủ Xã hội quốc tế, lãnh tụ của phong trào công nhân Đức đầu thế kỷ XX, nhà lý luận dân chủ Mác-xít hàng đầu. Ngay từ khi Lê-nin mới bắt đầu xây dựng học thuyết tổ chức “tập trung dân chủ” vào những năm đầu thế kỷ XX, Luxemburg đã cùng Trotsky cảnh báo nguy cơ độc tài tất yếu phát sinh trong nội bộ phong trào công nhân, cái sớm muộn sẽ thủ tiêu cách mạng.

Để biết thêm về bối cảnh và diễn biến của cuộc tranh luận, độc giả có thể tham khảo các tác phẩm: *Các nhiệm vụ chính trị của chúng ta* của Trotsky, *Làm gì?* và *Một bước tiến, hai bước lùi* của Lê-nin.

# I

Một nhiệm vụ chưa có tiền lệ trong lịch sử của phong trào xã hội chủ nghĩa đang được giao cho phong trào Dân chủ Xã hội Nga. Đó là nhiệm vụ quyết định đầu là sách lược xã hội chủ nghĩa tốt nhất cho một nước mà ở đó vương quyền tuyệt đối vẫn đang thống trị. Thật sai lầm nếu đúc rút một sự trùng hợp nghiêm ngặt giữa tình trạng nước Nga hiện tại với tình trạng ở Đức trong những năm 1879-1890, khi các luật chống chủ nghĩa xã hội của Bismarck<sup>2</sup> được áp dụng. Cả hai đều có một điểm chung—chế độ công an trị. Ngoài ra, chẳng còn gì là tương đồng.

Những chương ngại được đặt ra cho phong trào xã hội chủ nghĩa do sự thiếu vắng các quyền tự do dân chủ chỉ mang tầm quan trọng thứ yếu. Thậm chí ở Nga, phong trào của dân chúng đã thành công trong việc vượt qua những rào cản do nhà nước lập ra. Nhân dân đã tìm thấy cho họ một “điều lệ” (mặc dù là một bản tương đối hình thức) từ sự náo loạn trên đường phố. Kiên trì theo con đường này, nhân dân Nga sớm hay muộn sẽ dành được thắng lợi hoàn toàn trước nền độc tài.

Khó khăn chính yếu mà các hoạt động xã hội chủ nghĩa ở Nga phải đối mặt bắt nguồn từ thực tế là ở nước này, sự thống trị của giai cấp tư sản được che đậy bởi lực lượng chuyên chế. Điều đó khiến cho tuyên truyền xã hội chủ nghĩa có tính trừu tượng, trong khi sách động chính trị tức thời lại mang dáng dấp cách mạng-dân chủ.

Các đạo luật chống chủ nghĩa xã hội của Bismarck đặt phong trào của chúng ta ra ngoài lề ranh hiến định trong một xã hội tư sản phát triển rất cao, nơi mà mâu thuẫn giai cấp thường đạt tới sự nở rộ chính trong các cuộc đấu tranh nghị trường. (Tiện thể nói thêm, chính chỗ này ấn dấu sự kì cục của nghị trình Bismarck). Ở Nga, tình hình lại khác hẳn. Vấn đề ở đó là làm cách nào tạo ra một phong trào dân chủ xã hội trong thời điểm mà nhà nước còn chưa nằm trong tay của giai cấp tư sản.

Hoàn cảnh này có một ảnh hưởng lên việc sách động, về phương thức du nhập học thuyết xã hội chủ nghĩa vào mảnh đất Nga. Nó cũng khơi lên câu hỏi về *tổ chức đảng* theo một lối trực tiếp và đặc biệt.

Trong các điều kiện thông thường - tức là, nơi mà sự thống trị chính trị của giai cấp tư sản đến trước phong trào xã hội chủ nghĩa - giai cấp tư sản tự nó đã dần gieo vào lòng giai cấp công nhân những mầm mống của đoàn kết chính trị. Trong bối cảnh ấy, Tuyên ngôn Cộng sản tuyên bố, sự thống nhất của người lao động chưa phải là kết quả của nguồn cảm hứng từ tự thân họ, mà đến như là kết quả của các hoạt động của giai cấp tư sản, “cái giai cấp mà để đảm bảo được các mục tiêu chính trị của chính nó, bị đẩy tới chỗ buộc phải làm cho giai cấp vô sản thức dậy”

Tuy nhiên, ở Nga, phong trào Dân chủ Xã hội phải thay thế toàn bộ một giai đoạn lịch sử bằng những nỗ lực của chính nó. Nó phải dẫn những người vô sản Nga từ điều kiện “nguyên tử hóa” hiện tại, cái vốn kéo dài chế độ chuyên chế, đến một tổ chức giai cấp có thể giúp họ giác ngộ mục tiêu lịch sử của họ, và chuẩn bị cho họ đấu tranh giành lấy những mục tiêu này.

Các nhà xã hội Nga bị buộc phải thực hiện việc xây dựng một tổ chức như thế trong khi không được hưởng những thuận lợi từ các bảo đảm mang tính hình thức vẫn thường thấy trong bối cảnh dân chủ-tư sản. Họ không được hưởng những nguyên liệu chính trị do chính xã hội tư sản cung cấp như ở các nước khác. Có thể nói, giống như Đảng Toàn năng, họ phải tạo ra tổ chức này từ chân không.

Làm sao để thực hiện cuộc chuyển đổi từ một kiểu tổ chức điển hình cho giai đoạn chuẩn bị của phong trào xã hội chủ nghĩa – thường được đặc trưng bởi các nhóm và câu lạc bộ địa phương rời rạc, với tuyên truyền như là một hoạt động chủ yếu -- sang một khối thống nhất của một cơ thể rộng lớn trùm khắp toàn quốc, phù hợp với các hành động chính trị được điều phối trên toàn bộ lãnh thổ rộng mênh mông do nhà nước Nga cai trị? Đó chính là vấn đề cụ thể mà phong trào Dân chủ Xã hội Nga đã suy đi tính lại một thời gian.

Tự trị và biệt lập là hai đặc điểm kiểu tổ chức cũ được nhắc tới nhiều nhất. Vì thế, dễ hiểu là tại sao khẩu hiệu của những người muốn được thấy một tổ chức toàn quốc và bao trùm sẽ phải là “Chủ nghĩa Tập trung!”.

Tại Đại hội Đảng, đã trở nên rõ ràng là thuật ngữ “chủ nghĩa tập trung” không bao quát được toàn bộ vấn đề về tổ chức cho phong trào Dân chủ Xã hội Nga. Một lần nữa, chúng ta học được rằng không một công thức cứng nhắc nào có thể đưa ra đáp án cho mọi vấn đề của một phong trào xã hội.

Tác phẩm *Một bước tiến, hai bước lùi*<sup>3</sup> của Lê-nin, một thành viên lỗi lạc của nhóm *Tia lửa (Iskra)*<sup>4</sup>, là sự trình bày mang tính phương pháp luận của các ý tưởng của khuynh hướng tập trung cực đoan trong phong trào Nga. Quan điểm được trình bày với sự mạch lạc và logic vô song trong cuốn sách này, là chủ nghĩa tập trung không thương xót. Được đặt ra thành nguyên lý là: 1. Sự cần thiết của việc chọn lựa và hợp thành mọi nhà cách mạng đang hành động thành một binh đoàn độc lập, khác hẳn với một quần chúng không được tổ chức, dù mang tính cách mạng, đang vây quanh nhóm tinh hoa này.

Luận đề của Lê-nin là Ủy ban Trung ương Đảng phải có đặc quyền chỉ định mọi ủy ban cấp địa phương của đảng. Nó cần có quyền chỉ định các cơ quan có thực quyền của mọi tổ chức địa phương từ Geneva đến Leige, từ Tomsk cho tới Irkutsk. Nó cũng phải có quyền áp đặt lên tất cả [những cơ quan này - ND] các quy tắc hành xử của đảng mà nó đã định sẵn. Nó cũng cần có quyền lãnh đạo mà không cần trao đi đổi lại về các vấn đề như giải tán hay tái lập các tổ chức địa phương. Theo cách này, Ủy ban Trung ương có thể quyết định, mà nó

cho là phù hợp, sự tổ thành các cơ quan cao nhất của đảng. Ủy ban Trung ương sẽ là bộ phận tư duy duy nhất trong đảng. Mọi sự tổ thành khác đều phải là các tay chân thi hành của nó.

Lê-nin biện luận rằng sự kết hợp của phong trào quần chúng xã hội chủ nghĩa với một kiểu tổ chức được tập trung hóa nghiêm ngặt như thế là một nguyên lý của chủ nghĩa Mác cách mạng. Để hỗ trợ luận đề này, ông triển khai một loạt các lập luận mà chúng ta sẽ đối diện sau đây.

Nói chung, không thể chối cãi được rằng một thiên hướng mạnh mẽ theo hướng tập trung hóa là đặc tính cố hữu của phong trào Dân chủ Xã hội. Thiên hướng này khởi nguồn từ cấu trúc kinh tế của chủ nghĩa tư bản, vốn dĩ về căn bản là mang tính tập trung. Phong trào Dân chủ Xã hội xúc tiến những hoạt động của mình trong lòng đô thị tư sản lớn. Nhiệm vụ của nó là đại diện cho, trong biên giới của nhà nước dân tộc, lợi ích giai cấp của giai cấp vô sản, và đem lợi ích chung ấy ra đối chọi với những lợi ích của tất cả các lợi ích nhóm và địa phương khác.

Vì thế, phong trào Dân chủ Xã hội, như là một nguyên tắc, thù địch với bất kì biểu hiện nào của chủ nghĩa cục bộ địa phương hay liên bang. Nó gắng sức đoàn kết mọi người lao động và mọi tổ chức của người lao động trong một đảng duy nhất, bất chấp mọi khác biệt dù là nghề nghiệp, tôn giáo hay dân tộc có thể tồn tại giữa họ. Phong trào Dân chủ Xã hội từ bỏ nguyên lý này và chấp nhận chủ nghĩa liên bang chỉ trong các điều kiện khác thường, như trong trường hợp Đế chế Áo-Hung.

Rõ ràng là phong trào Dân chủ Xã hội Nga không nên tự tổ chức thành một tập đoàn mang tính liên bang của nhiều nhóm mang tính dân tộc. Thay vì thế, nó phải trở thành một chính đảng cho toàn thể đế chế [Nga Sa hoàng]. Tuy nhiên, đó không thực sự là vấn đề đang được xem xét ở đây. Cái chúng ta đang xem xét là mức độ tập trung hóa cần thiết bên trong một đảng Nga duy nhất, thống nhất, xét tới những điều kiện đặc thù riêng có mà đảng ấy phải hoạt động trong đó.

Xem xét vấn đề từ góc độ các nhiệm vụ chính thức của phong trào Dân chủ Xã hội, với năng lực của nó như là đảng của đấu tranh giai cấp, mới nhìn thì có vẻ như sức mạnh và sinh lực của đảng phụ thuộc trực tiếp vào khả năng tập trung hóa đảng. Tuy nhiên, những nhiệm vụ chính thức này áp dụng với mọi đảng đang hoạt động. Trong trường hợp phong trào Dân chủ Xã hội, chúng không quan trọng bằng ảnh hưởng của các điều kiện lịch sử.

Phong trào Dân chủ Xã hội là phong trào đầu tiên trong các xã hội có giai cấp mà trong mọi thời kì và qua toàn bộ tiến trình đều hành động dựa theo tổ chức và các hành động trực tiếp và độc lập của quần chúng.

Vì lẽ này, phong trào Dân chủ Xã hội tạo ra một kiểu tổ chức hoàn toàn khác với các kiểu [tổ chức] vốn là chung cho các phong trào cách mạng trước đây, như của những người Gia-cô-banh<sup>5</sup> và những môn đồ của Blăng-ki<sup>6</sup>.

Lê-nin dường như đã coi nhẹ sự kiện này khi nêu một ý kiến trong cuốn sách của mình (trang 140), là các nhà Dân chủ Xã hội cách mạng không gì hơn là “một người Gia-cô-banh đã vĩnh viễn gia nhập tổ chức của giai cấp vô sản, giai cấp đã trở nên giác ngộ về các lợi ích giai cấp của nó”.

Với Lê-nin, sự khác biệt giữa phong trào Dân chủ Xã hội và chủ nghĩa Blăng-ki bị quy về nhận định rằng: thay bằng một nhóm những kẻ đồng mưu, chúng ta có vô sản đã giác ngộ giai cấp. Ông quên rằng sự khác biệt này hàm ý một sự xét lại toàn diện các tư tưởng của chúng ta về tổ chức, và do đó, là một quan niệm hoàn toàn khác về cơ chế tập trung và các quan hệ tồn tại giữa đảng và bản thân cuộc đấu tranh.

Chủ nghĩa Blăng-ki không dựa vào hành động trực tiếp của giai cấp lao động. Vì thế, nó không cần phải tổ chức nhân dân cho cuộc cách mạng. Người ta kì vọng là nhân dân đóng vai trò của họ chỉ trong khoảnh khắc cách mạng. Chuẩn bị cho cuộc cách mạng chỉ liên quan đến nhóm nhỏ các nhà cách mạng được trang bị cho cuộc đảo chính. Thật vậy, để đảm bảo sự thành công của âm mưu cách mạng, việc giữ khoảng cách giữa quần chúng với những người đồng mưu được coi là khôn ngoan hơn. Chỉ những người theo chủ nghĩa Blăng-ki mới nhận thức như thế, bởi vì không có một mối liên hệ mật thiết giữa các hoạt động âm mưu của tổ chức của họ với cuộc đấu tranh hàng ngày của quần chúng đông đảo.

Các chiến thuật và các nhiệm vụ cụ thể của các nhà cách mạng Blăng-ki có sự liên hệ ít ỏi với cuộc đấu tranh giai cấp cơ sở. Chúng hoàn toàn được tự do ứng tác. Vì thế, chúng có thể được định đoạt từ trước và có hình thức như một âm mưu vạch sẵn. Hệ quả là, các thành viên bình thường của tổ chức trở nên các cấu phần thực thi đơn giản, thực hiện mệnh lệnh của một ý chí đã được định trước, từ bên ngoài không gian hoạt động cụ thể của họ. Họ trở thành công cụ của Ủy ban Trung ương. Ở đây, chúng ta có đặc điểm riêng có thứ hai của cơ chế tập trung âm mưu – sự phục tùng tuyệt đối và mù quáng của các cấu phần của đảng trước ý chí của trung ương, và sự mở rộng của quyền lực này tới mọi bộ phận của đảng.

Tuy nhiên, các hoạt động của phong trào Dân chủ Xã hội lại được xúc tiến trong những điều kiện cực kì khác biệt. Về mặt lịch sử, nó xuất hiện từ chính cuộc đấu tranh giai cấp cơ sở. Nó mở rộng và phát triển trong sự hài hòa với những mâu thuẫn biện chứng theo sau đó. Đội quân vô sản được tuyển mộ và trở nên giác ngộ về sứ mệnh của nó trong chính cuộc đấu tranh ấy. Các hoạt động của tổ chức đảng và sự phát triển của nhận thức của giai cấp công nhân về các mục tiêu của cuộc đấu tranh và về chính bản thân cuộc đấu tranh ấy, không phải là những hiện tượng khác nhau, tách rời nhau một cách cơ học và theo diễn

trình thời gian. Chúng không chỉ là các mặt khác nhau của cùng một cuộc đấu tranh, mà với phong trào Dân chủ Xã hội, không tồn tại một tập hợp chi tiết các chiến thuật mà một Ủy ban Trung ương có thể dạy cho các đảng viên theo lối mà binh sĩ được huấn luyện trong trại lính.

Hơn nữa, tầm ảnh hưởng của chính đảng xã hội chủ nghĩa luôn dao động không ngừng với sự thăng trầm của cuộc đấu tranh trong sự nghiệp mà vì nó, tổ chức ấy hình thành và phát triển.

Vì lý do này, cơ chế tập trung Dân chủ Xã hội không thể dựa trên sự lệ thuộc máy móc và tuân phục mù quáng của các thành viên đối với trung ương lãnh đạo của đảng. Do đó, phong trào Dân chủ Xã hội không thể cho phép việc dựng lên một sự phân chia quá rạch ròi giữa một hạt nhân có nhận thức giai cấp của giai cấp vô sản đã ở trong đảng và môi trường quần chúng liên kế nó, các bộ phận ngoài đảng của giai cấp vô sản.

Đây là hai nguyên lý mà chủ nghĩa tập trung của Lê-nin dựa vào:

1. Sự lệ thuộc mù quáng, tới những chi tiết vụn vặt nhất, của mọi bộ phận trong đảng đối với trung ương đảng, bộ phận duy nhất suy nghĩ, chỉ đạo và quyết định cho tất cả.
2. Sự phân chia rạch ròi của một hạt nhân có tổ chức của các nhà cách mạng với môi trường cách mạng-xã hội bao quanh nó.

Tương ứng với quan điểm này, Lê-nin định nghĩa “Nhà Dân chủ Xã hội cách mạng” của ông là “một người Gia-cô-banh gia nhập vào tổ chức của giai cấp vô sản, cái tổ chức đã được giác ngộ về các lợi ích giai cấp của nó”

Thực tế là phong trào Dân chủ Xã hội không *gia nhập* tổ chức của giai cấp vô sản. Bản thân nó chính là vô sản. Và chính vì thế, tập trung Dân chủ Xã hội khác về căn bản với tập trung theo kiểu Blăng-ki. Nó chỉ có thể là ý chí tập trung của các cá nhân và tổ chức đại diện cho giai cấp lao động. Nó, có thể nói, là “tự tập trung” của các bộ phận ưu tú của giai cấp vô sản. Đây là nguyên tắc đa số ngay trong đảng của nó.

Các điều kiện không thể thiếu cho việc hiện thực hóa nguyên tắc tập trung Dân chủ Xã hội là:

1. Sự tồn tại một nhóm lớn các công nhân được giáo dục từ cuộc đấu tranh giai cấp.
2. Khả năng mà những người công nhân tự phát triển các hoạt động chính trị của chính họ qua các ảnh hưởng trực tiếp lên đời sống công cộng, trong một tờ báo đảng, và trong các đại hội công khai, v.v...

Những điều kiện này chưa được hình thành đầy đủ ở Nga. Điều kiện đầu tiên – một đội tiên phong của giai cấp vô sản, tự giác về những lợi ích giai cấp của nó và có khả năng tự định hướng trong hoạt động chính trị -- chỉ mới bắt đầu trở dậy ở Nga. Mọi nỗ lực của sự kích

động và tổ chức theo khuynh hướng xã hội chủ nghĩa cần phải nhắm vào việc đẩy nhanh sự hình thành của đội tiên phong đó. Điều kiện thứ hai chỉ có thể có được dưới một chính thể đã giải phóng về chính trị.

Với những kết luận này, Lê-nin phản đối dữ dội. Ông tin rằng mọi điều kiện cần thiết cho sự hình thành một đảng tập trung hóa và đầy quyền lực đã tồn tại ở Nga. Ông tuyên bố: “không còn là người vô sản, mà chính là một số trí thức trong đảng ta, cần được giáo dục về các vấn đề tổ chức và kỷ luật” (trang 145). Ông ca ngợi ảnh hưởng có tính giáo dục của nhà máy, cái mà, ông nói, khiến cho giai cấp vô sản làm quen với “kỷ luật và tổ chức” (trang 147).

Khi nói tất cả những điều này, Lê-nin dường như đang chứng tỏ một lần nữa rằng khái niệm của ông về tổ chức xã hội chủ nghĩa là khá cơ giới. Cái kỷ luật trong đầu Lê-nin đang được cấy ghép vào giai cấp lao động không chỉ bởi nhà máy mà còn bởi quân đội và các bộ máy quan liêu nhà nước vẫn đang tồn tại – bởi toàn bộ cơ chế của nhà nước tư sản bị tập trung hóa.

Chúng ta dùng từ sai và tự lừa dối khi áp dụng cùng một thuật ngữ - “kỷ luật” - cho các ý niệm rất khác nhau như: 1) sự vắng bóng của tư tưởng và ý chí trong một cơ thể với hàng ngàn cánh tay và chân vận hành tự động, và 2) sự phù hợp nội sinh của các hành động chính trị, tự giác của một tập thể người. Có điểm nào chung giữa sự ngoan ngoãn theo quy định của một giai cấp bị áp bức với sự tự kỷ luật và tự tổ chức của một giai cấp đang đấu tranh cho sự giải phóng của nó hay không?

Tự kỷ luật của phong trào Dân chủ Xã hội không chỉ đơn thuần là sự thay thế của quyền lực của những kẻ tư sản thống trị với quyền lực của ủy ban trung ương xã hội chủ nghĩa. Giai cấp công nhân sẽ đạt được cảm nhận về một kỷ luật mới, sự tự kỷ luật như là kết quả của tự do lựa chọn của phong trào Dân chủ Xã hội, không phải như là kết quả của kỷ luật được áp đặt lên nó bởi một nhà nước tư sản, mà phải bằng cách đào tận gốc tước tận rễ những thói quen tuân phục và nô lệ xưa cũ.

Nguyên tắc tập trung theo nghĩa xã hội chủ nghĩa không phải là một thứ tuyệt đối được áp dụng cho bất kỳ một giai đoạn nào của phong trào công nhân. Nó là một *xu hướng*, cái sẽ trở thành hiện thực trong tương quan tỉ lệ với sự phát triển và đào luyện chính trị mà quần chúng lao động tích lũy được trong quá trình đấu tranh của chính họ.

Không nghi ngờ gì nữa, sự thiếu vắng các điều kiện cần thiết cho việc hiện thực hóa toàn diện của loại nguyên tắc tập trung này ở phong trào Nga đã đặt ra một cản trở đáng sợ.

Sẽ là sai lầm nếu tin rằng có thể thay thế “tạm thời” quyền lực tuyệt đối của một Ủy ban Trung ương (hành xử theo lối nào đó, bằng “sự trao quyền ngầm định”) cho quyền thống trị vẫn còn chưa thể hiện thực hóa của đa số những người lao động được giác ngộ trong đảng, và bằng cách này mà thay thế sự kiểm soát mở của quần chúng lao động với các cơ quan

của đảng bằng sự kiểm soát ngược lại của ủy ban Trung ương đối với giai cấp vô sản cách mạng.

Lịch sử của phong trào công nhân Nga nói lên giá trị đáng ngờ của một chế độ tập trung như thế. Một trung ương với quyền lực tuyệt đối, được trao quyền kiểm soát và can thiệp không hạn chế - như Lê-nin gợi ý, sẽ là một trò kì cục nếu quyền lực của nó chỉ áp dụng với các vấn đề kĩ thuật, như quản lý quỹ, phân định các nhiệm vụ giữa các nhà tuyên truyền và nhà kích động, vận chuyển và lưu hành các tài liệu in. Mục tiêu chính trị của một bộ phận nắm giữ những quyền lực tuyệt đối như thế chỉ khi những quyền lực đó được áp dụng cho việc vạch một kế hoạch hành động thống nhất, nếu bộ phận trung ương đó nhận lấy việc khởi phát một hành động cách mạng vĩ đại.

Nhưng cho đến nay, kinh nghiệm của phong trào xã hội chủ nghĩa ở Nga là gì? Mười năm qua, những thay đổi quan trọng nhất và thành công nhất trong chiến thuật của nó không phải là phát kiến của một số lãnh tụ nào đó, và càng chẳng phải của bất kì một bộ phận của tổ chức tập trung nào. Chúng vẫn luôn luôn là sản phẩm nội sinh của một phong trào đang sôi sục. Điều này là đúng trong giai đoạn đầu tiên của phong trào vô sản ở Nga, vốn bắt đầu với cuộc tổng đình công tự phát ở St. Petersburg năm 1896, một sự kiện đánh dấu sự ra đời của một kỉ nguyên đấu tranh kinh tế của nhân dân lao động Nga. Cũng đúng hết như thế trong giai đoạn tiếp theo, bắt đầu bởi các cuộc biểu tình trên đường phố tự phát của sinh viên St. Petersburg vào tháng Ba năm 1901. Cuộc tổng đình công ở Rostov-on-Don năm 1903, đánh dấu bước ngoặt chiến thuật vĩ đại tiếp theo trong phong trào vô sản Nga, cũng lại là một hành động tự phát. “Hoàn toàn tự nó”, cuộc đình công mở rộng sang các cuộc biểu tình chính trị, kích động đường phố, các cuộc mít-tinh ngoài trời khổng lồ, những thứ mà chỉ vài năm trước đó, một nhà cách mạng lạc quan nhất cũng không thể mơ tới.

Sự nghiệp của chúng ta hưởng lợi vô kể từ những sự kiện này. Tuy nhiên, sự khởi xướng và lãnh đạo một cách tự giác của các tổ chức Dân chủ Xã hội đã không đóng một vai trò đáng kể nào trong sự phát triển này. Đúng là những tổ chức này đã không được chuẩn bị cụ thể cho những diễn biến như thế. Tuy nhiên, vai trò thứ yếu của các nhà cách mạng không thể được giải thích bằng thực tế này. Cũng không thể đổ lỗi cho sự thiếu vắng một bộ máy đảng tập trung nắm trọn quyền lực tương tự như cái mà Lê-nin đang đòi hỏi. Sự tồn tại của một trung ương lãnh đạo sẽ chỉ làm tăng tính vô trật tự của các ủy ban địa phương bằng việc khoét sâu sự khác biệt giữa các cuộc đấu tranh hăm hở của dân chúng với thái độ cẩn trọng của phong trào Dân chủ Xã hội. Cũng vẫn hiện tượng đó – phần thứ yếu của những đề xướng do các cơ quan của đảng tập trung trong việc phân tích kỹ càng các chính sách thực tiễn về chiến thuật – ngày nay có thể được kiểm chứng ở Đức và các nước khác. Về đại thể, sách lược của phong trào Dân chủ Xã hội không phải là thứ có thể được “sáng chế”. Nó là sản phẩm của một chuỗi các hành động mang tính sáng tạo cao độ của cuộc đấu tranh giai cấp- thường là tự phát - đang tự tìm đường tiến lên cho mình.



Tự phát đến trước tự giác. Logic của tiến trình lịch sử đến trước logic chủ quan của con người, những kẻ tham dự vào tiến trình lịch sử. Khuynh hướng thường là để cho các cơ quan chỉ đạo của đảng xã hội chủ nghĩa đóng vai trò bảo thủ. Kinh nghiệm cho thấy mỗi khi phong trào công nhân chiếm lĩnh một trận địa mới, những cơ quan đó đẩy phong trào tới đỉnh điểm. Cùng lúc, chúng chuyển đổi phong trào thành một thành trì, cái sẽ giữ thế thượng phong trên một diện rộng hơn.

Sách lược hiện tại của đảng Dân chủ Xã hội Đức đã giành được sự cảm phục rộng rãi chính vì nó vừa mềm dẻo vừa cứng rắn. Đây là một biểu hiện của việc thích nghi tinh tế của đảng, trong từng chi tiết nhỏ nhất của hoạt động hàng ngày của nó, với các điều kiện của một chế độ đại nghị. Đảng đã nghiên cứu cẩn thận mọi nguồn lực của môi trường này. Nó biết cách tận dụng chúng mà không cần phải thay đổi những nguyên tắc của mình.

Tuy nhiên, chính sự hoàn hảo của việc thích nghi này đang khép dần các chân trời rộng lớn hơn của đảng chúng ta. Có một khuynh hướng trong đảng coi các chiến thuật nghị trường là những sách lược cụ thể và bất biến cho hoạt động xã hội chủ nghĩa. Người ta từ chối, ví dụ, xem xét khả năng (do Parvus<sup>7</sup> đưa ra) thay đổi sách lược của chúng ta trong trường hợp chế độ phổ thông đầu phiếu bị bãi bỏ ở Đức, một tình huống mà chính phong trào Dân chủ Xã hội Đức cũng xem là có thể xảy ra.

Tính ý đó phần lớn là do thực tế rằng rất bất tiện để định nghĩa, trong chân không của các giả định trừu tượng, những đường nét và hình dạng còn chưa tồn tại trong các tình huống chính trị. Hiển nhiên, việc quan trọng đối với phong trào Dân chủ Xã hội không phải là chuẩn bị một bộ chỉ thị sẵn sàng cho các sách lược trong tương lai. Điều quan trọng là: *thứ nhất*, khuyến khích sự đánh giá lịch sử đúng đắn về các hình thức đấu tranh tương ứng với những tình huống cho trước, và *thứ hai*, duy trì nhận thức về tính tương đối của giai đoạn hiện tại và sự tăng tiến không cưỡng được của mâu thuẫn cách mạng trong khi tiến tới mục tiêu cuối cùng của đấu tranh giai cấp.

Trao những quyền lực mang tính phủ định tới mức tuyệt đối như thế cho cơ quan tối cao của đảng, như Lê-nin hằng mong, là chúng ta đang giúp thêm sức mạnh, với mức độ nguy hiểm, cho chủ nghĩa bảo thủ vốn tồn tại cố hữu trong những cơ quan kiểu như thế. Nếu chiến thuật của đảng xã hội chủ nghĩa không phải là sự sáng tạo của một Trung ương đảng mà là của toàn đảng, hay tốt hơn nữa, của toàn bộ phong trào công nhân, thì rõ ràng là các bộ phận và liên minh của đảng cần có tự do hoạt động - cái mà chỉ riêng nó sẽ cho phép họ phát triển những đề xướng cách mạng và tận dụng mọi lợi thế của từng hoàn cảnh. Chủ nghĩa tập trung cực đoan mà Lê-nin đòi hỏi chứa đầy thái độ cần cỗi của một tên đốc công. Nó không phải là một tinh thần tích cực và sáng tạo. *Mối quan tâm của Lê-nin không mấy giúp cho hoạt động của đảng hữu hiệu hơn, mà chỉ nhằm kiểm soát đảng – làm thu hẹp phong trào thay vì phát triển nó, trói chặt phong trào thay vì thống nhất nó.*

Trong điều kiện hiện tại, một thí nghiệm như thế sẽ nguy hiểm gấp đôi cho phong trào Dân chủ Xã hội Nga. Nó đang trong đêm trước của các trận đánh quyết định chống lại chế độ Sa hoàng. Nó đang sửa soạn, hay đã thực sự bước vào một giai đoạn hoạt động mang tính sáng tạo tới đỉnh điểm, mà trong đó nó sẽ mở rộng (như lẽ thường trong một thời kì cách mạng) phạm vi ảnh hưởng của mình, và sẽ thắng tiến tự nhiên thông qua cả những bước nhảy vọt và thoái lui. Cố gắng trói buộc những khởi xướng của đảng trong thời điểm hiện nay, quấn chặt nó bằng một mạng lưới thép gai, là khiến cho nó bất lực trong việc thực thi nhiệm vụ to lớn của chính thời khắc này.

Những tư tưởng chung mà chúng ta đã trình bày trong vấn đề chế độ tập trung xã hội chủ nghĩa, tự chúng, không đầy đủ để kiến tạo một kế hoạch điều lệ cho đảng Nga. Cuối cùng thì một quy chế kiểu như thế chỉ có thể được quyết định bởi bối cảnh mà trong đó các hoạt động của tổ chức diễn ra trong một thời kì cho trước. Câu hỏi trọng yếu ở Nga là làm thế nào để khởi động một tổ chức vô sản lớn. Không dự án điều lệ nào có thể tự tuyên xưng nó không-thể-sai. Nó phải minh chứng mình trong khói lửa.

Nhưng từ quan niệm chung của chúng ta về bản chất của tổ chức Dân chủ Xã hội, chúng ta thấy đúng đắn khi đúc rút ra rằng tinh thần của nó – đặc biệt là trong lúc khởi đầu của một đảng quần chúng – là sự phối hợp và thống nhất của phong trào chứ không phải sự tuân phục cứng nhắc của nó với các quy định. Nếu đảng sở hữu sự linh động chính trị, được kèm theo sự trung thành không nao núng với các nguyên lý và với mối quan tâm về đoàn kết, thì chúng ta có thể kê cao góì mà yên tâm rằng bất kì sự vi phạm điều lệ đảng nào cũng sẽ được sửa chữa trong thực tiễn. Với chúng ta, không phải những con chữ, mà chính là một tinh thần sống động được thành viên thổi vào tổ chức mới là cái quyết định giá trị của kiểu hình thức tổ chức thế này hay thế khác.

## II

Cho đến nay chúng ta đã xem xét vấn đề tập trung từ quan điểm của những nguyên lý tổng quát của phong trào Dân chủ Xã hội, và trong một chừng mực nào đó, trong các điều kiện đặc thù của nước Nga. Tuy nhiên, chủ nghĩa tập trung nhà binh cực đoan mà Lê-nin và đồng đội hô hào không phải là sản phẩm của sự khác biệt quan điểm ngẫu nhiên. Người ta cho rằng điều này liên quan đến một chiến dịch chống lại chủ nghĩa cơ hội mà Lê-nin đã vạch ra đến từng chi tiết tổ chức nhỏ nhất.

Lê-nin (trang 52) nói "điều quan trọng là phải rèn nên những vũ khí, không hiệu quả ít thì nhiều, để chống lại chủ nghĩa cơ hội." Ông tin rằng chủ nghĩa cơ hội đặc biệt nảy nở từ khuynh hướng đặc thù của trí thức đối với các quá trình phi tập trung hoá và xáo trộn xã

hội, từ ác cảm của họ đối với kỷ luật nghiêm ngặt và “chế độ quan liêu,” cái mà, dù sao chăng nữa, cũng rất cần cho sự hoạt động của đảng.

Lê-nin nói rằng các trí thức vẫn lưu giữ chủ nghĩa cá nhân và có khuynh hướng vô chính phủ ngay cả khi họ đã tham gia vào phong trào xã hội chủ nghĩa. Theo ông, chỉ nơi các trí thức ta mới có thể nhận ra mối xung khắc với uy quyền tuyệt đối của Ủy ban Trung ương. Người vô sản chân chính, Lê-nin gợi ý, nhờ bản năng giai cấp của mình, tìm thấy niềm vui tự nguyện biến thành một khớp nối của lãnh đạo chặt chẽ và kỷ luật không thương xót. “đem đối lập chế độ quan liêu với chế độ dân chủ,” Lê-nin viết, “là đối lập nguyên tắc tổ chức của phong trào Dân chủ Xã hội cách mạng với các phương pháp của tổ chức cơ hội,” (trang 151).

Ông tuyên bố rằng một mâu thuẫn tương tự giữa hai khuynh hướng tập trung hoá và tự trị chủ nghĩa đã diễn ra tại tất cả các nước nơi chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa xã hội cách mạng giáp mặt nhau. Ông chỉ ra cụ thể cuộc tranh luận gần đây trong phong trào Dân chủ Xã hội Đức quanh vấn đề mức độ tự do hành động mà Đảng trao cho các đại biểu xã hội chủ nghĩa trong quốc hội.

Hãy cùng xem xét các cặp mệnh đề của Lê-nin.

Thứ nhất, một điểm quan trọng cần chỉ ra là việc ca ngợi cái được coi là phẩm chất của những người vô sản trong vấn đề tổ chức xã hội chủ nghĩa và sự nghi ngờ nói chung về trí thức như nói ở trên không nhất thiết là dấu hiệu của tinh thần “Mác-xít cách mạng”. Ta có thể dễ dàng chỉ ra rằng những lập luận kiểu này bản thân chúng chính là biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội.

Sự đối kháng giữa các phần tử vô sản thuần túy và các trí thức không vô sản trong phong trào lao động được đẩy lên như một vấn đề ý thức hệ nhờ các khuynh hướng sau đây: chủ nghĩa bán vô chính phủ (semianarchism) của các nhà công đoàn chủ nghĩa Pháp, mà khẩu hiệu của họ là “coi chừng bọn chính trị gia!”; chủ nghĩa nghiệp đoàn Anh, những người hoàn toàn hồ nghi những nhà “viễn kiến xã hội chủ nghĩa”; và, nếu thông tin của chúng ta là đúng đắn, “chủ nghĩa kinh tế thuần túy,”<sup>8</sup> hiện diện một thời gian ngắn gần đây trong phong trào Dân chủ Xã hội Nga qua tờ *Rabochaya Mysl* (“*Tư tưởng của người công nhân*”), được in bí mật ở St. Petersburg.

Trong hầu hết các đảng xã hội chủ nghĩa ở Tây Âu, hiển nhiên là có một mối liên hệ giữa chủ nghĩa cơ hội và các “trí thức,” cũng như giữa chủ nghĩa cơ hội và xu hướng phi tập trung hoá trong lòng các phong trào lao động.

Nhưng không có gì trái với phương pháp biện chứng lịch sử của tư tưởng Mác-xít hơn là tách các hiện tượng khỏi nền tảng lịch sử của chúng và trình bày những hiện tượng này như là các công thức trừu tượng có một ứng dụng tổng quát, tuyệt đối.

Lập luận một cách trừu tượng, chúng ta có thể nói rằng “người trí thức,” một phần tử xã hội đã lớn lên từ giai cấp tư sản và do đó xa lạ với giai cấp vô sản, xâm nhập vào phong trào xã hội chủ nghĩa không phải vì thiên hướng giai cấp tự nhiên của anh ta, mà là bất chấp thiên hướng ấy. Vì lý do này, anh ta có khả năng mắc phải những sai lầm cơ hội chủ nghĩa hơn người vô sản. Chúng ta có thể nói, người vô sản, có thể được kỳ vọng là tìm thấy quan điểm ủng hộ mang tính cách mạng tuyệt đối trong lợi ích giai cấp của anh ta, chừng nào anh ta còn chưa rời khỏi môi trường nguyên sơ của mình, quần chúng cần lao. Nhưng cái hình thức cụ thể được giả định bởi thiên hướng nghiêng về chủ nghĩa cơ hội này của trí thức và, quan trọng hơn cả, cái cách thức mà trong đó khuynh hướng này tự thể hiện mình trong các vấn đề tổ chức bao giờ cũng phụ thuộc vào hoàn cảnh xã hội cho trước của anh ta.

Chủ nghĩa xã hội nghị viện tư sản là cơ sở xã hội chính xác của hiện tượng mà Lê-nin nhận thấy trong các phong trào xã hội chủ nghĩa Đức, Pháp và Ý. Chủ nghĩa nghị viện này là mảnh vườn ươm tất cả các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa giờ đây đang tồn tại trong phong trào Dân chủ Xã hội phương Tây.

Loại chủ nghĩa xã hội nghị viện mà nay chúng ta có ở Pháp, Ý, và Đức cung cấp mảnh đất cho những ảo tưởng về chủ nghĩa cơ hội đương thời, như đánh giá cao quá mức các cuộc cải cách xã hội, hợp tác đảng phái và giai cấp, niềm hy vọng về sự phát triển hoà bình hướng tới chủ nghĩa xã hội, v.v... Nó làm được như vậy bằng cách đặt trí thức, hành động như những người nghị viện chủ nghĩa, ở bên trên giai cấp vô sản, và bằng cách tách trí thức khỏi người vô sản ngay trong chính phong trào xã hội chủ nghĩa. Với sự lớn mạnh của phong trào lao động, chủ nghĩa nghị viện trở thành ván bật cho những kẻ hám danh chính trị. Điều này lý giải vì sao có biết bao thất bại đầy tham vọng suốt từ đám tư sản cho tới những ngọn cờ của các đảng xã hội chủ nghĩa. Một nguồn khác của chủ nghĩa cơ hội hiện nay là từ tiềm lực vật chất đáng kể và ảnh hưởng của các tổ chức Dân chủ Xã hội lớn.

Đảng hành động như một lực lượng bảo vệ các phong trào giai cấp chống lại sự lạc lối theo hướng chủ nghĩa nghị viện mang tính tư sản hơn. Để chiến thắng, các khuynh hướng này phải phá huỷ lực lượng kia. Chúng phải giải thể các bộ phận có ý thức giai cấp, tích cực của giai cấp vô sản trong khối quần chúng không đồng nhất của “cử tri”.

Đó là cách mà khuynh hướng “tự trị chủ nghĩa” và phi tập trung hoá này nảy sinh trong các đảng Dân chủ Xã hội của chúng ta. Ta lưu ý rằng các khuynh hướng này đi liền với các mục đích chính trị rõ ràng. Chúng không thể được giải thích, như Lê-nin mưu toan, bằng cách viện tới tâm lý của người trí thức, tới cái được coi là tính cách hay dao động cố hữu của anh ta. Chúng chỉ có thể được giải thích bằng cách xem xét nhu cầu của các chính trị gia nghị viện tư sản, tức là, bằng trò chính trị cơ hội chủ nghĩa mà thôi.

Tình hình ở nước Nga Sa Hoàng không hề giống như vậy. Chủ nghĩa cơ hội trong phong trào lao động Nga, nói chung, không phải là sản phẩm phụ của sức mạnh Dân chủ Xã hội

hay của sự mục rữa của giai cấp tư sản. Nó là sản phẩm của điều kiện chính trị lạc hậu của xã hội Nga.

Cái hoàn cảnh trong đó các trí thức được tuyển mộ cho chủ nghĩa xã hội ở Nga là chậm tiến và ít mang tính chất tư sản hơn nhiều so với ở Tây Âu. Cộng với sự non kém của phong trào vô sản Nga, môi trường này là một ảnh hưởng gây xao động lý luận lớn, từ sự vắng bóng tuyệt đối khía cạnh chính trị của phong trào lao động cho tới niềm tin không cơ sở về tính hữu hiệu của các hành động khủng bố đơn độc, hay thậm chí sự bàng quan chính trị hoàn toàn có thể tìm thấy trong đám lầy của chủ nghĩa tự do hay duy tâm kiểu Kant.

Tuy nhiên, trí thức trong phong trào Dân chủ Xã hội Nga chỉ có thể bị cuốn hút vào một hành động phá rối. Nó đối lập với triển vọng chung của hoàn cảnh của trí thức Nga. Không có một nghị viện tư sản ở Nga để ưu ái khuynh hướng này.

Trí thức phương Tây vào lúc này đây đang tự xưng là “phụng thờ cái tôi” và thậm chí tô điểm niềm khao khát xã hội chủ nghĩa của anh ta bằng tinh thần quý tộc, không phải là đại diện của giới trí thức tư sản “nói chung.” Hẳn chỉ đại diện cho một pha nhất định của phát triển xã hội. Hẳn chỉ là một sản phẩm của sự mục nát tư sản mà thôi.

Tờ *Narodniki* ("Những người dân tụy")<sup>9</sup> năm 1875 kêu gọi giới trí thức Nga tự nói lòng mình trong quần chúng nông dân. Những môn đệ được khai sang cực đoan của Tolstoi ngày nay kêu gọi phải đào thoát tới đời sống của những “người bạn chất phác”. Tương tự như thế, những người ủng hộ “chủ nghĩa kinh tế thuần tụy” trong phong trào Dân chủ Xã hội Nga muốn chúng ta gặp mình trước “bàn tay chai sạn” của lao động.

Nếu thay vì áp dụng một cách máy móc vào nước Nga những công thức được phân tích kỹ ở Tây Âu, chúng ta tiếp cận vấn đề tổ chức từ góc độ của các điều kiện hoà bình đối với nước Nga, thì chúng ta sẽ đi tới những kết luận hoàn toàn đối lập với Lê-nin.

Quy kết chủ nghĩa cơ hội như một sở thích bất biến về một hình thức tổ chức nhất định, nghĩa là sự phi tập trung hoá, là không nắm được bản chất của chủ nghĩa cơ hội.

Về vấn đề tổ chức, hay bất cứ vấn đề nào khác, chủ nghĩa cơ hội chỉ biết một nguyên tắc thôi: không theo một nguyên tắc nào cả. Chủ nghĩa cơ hội lựa chọn phương tiện hành động với mục tiêu phù hợp với hoàn cảnh hiện có trong tay, với điều kiện là các phương tiện này có khả năng dẫn đến những kết quả cuối cùng trong tầm ngắm.

Nếu chúng ta, giống như Lê-nin, định nghĩa chủ nghĩa cơ hội như là cái khuynh hướng làm tê liệt phong trào cách mạng độc lập của giai cấp công nhân và biến nó thành một công cụ của các trí thức tư sản đầy tham vọng, thì chúng ta cũng sẽ phải thừa nhận rằng ở giai đoạn đầu tiên của một phong trào lao động, mục đích này để đạt được hơn nhiều nhờ quá trình tập trung hoá cao độ so với phi tập trung hoá. Chính vì quá trình tập trung hoá cực đoan mà

một phong trào vô sản chưa được giáo dục, non trẻ có thể bị thâm tóm hoàn toàn vào trong tay các lãnh đạo trí thức là thành viên của Ủy ban Trung ương.

Tại Đức cũng vậy, vào lúc bắt đầu phong trào Dân chủ Xã hội, và trước khi có sự xuất hiện các hạt nhân vững chắc của những người vô sản có ý thức và một sách lược, dựa trên kinh nghiệm, các thành viên của hai loại tổ chức đối lập nhau đã giáp mặt nhau trên bình diện lý luận. “Tổng Hội Công nhân Đức,” do Lasalle<sup>10</sup> thành lập, bảo vệ quan điểm tập trung hoá cực đoan. Nguyên tắc của chủ nghĩa tự trị được ủng hộ bởi đảng đã thành lập nên Đại hội Eisenach<sup>11</sup> (Eisenach Congress) với sự cộng tác của W. Liebknecht<sup>12</sup> và A. Bebel<sup>13</sup>.

Sách lược của những người "Eisenach" khá lộn xộn. Nhưng họ đã đóng góp nhiều hơn rất nhiều vào việc thức tỉnh ý thức giai cấp của quần chúng Đức so với những người theo phái Lassalle. Ngay từ rất sớm, công nhân đã đóng một vai trò nổi trội trong đảng này, (như đã thấy qua số lượng xuất bản phẩm của công nhân tại các tỉnh), và có sự mở rộng nhanh chóng quy mô của phong trào. Trong khi đó, những người theo phái Lassalle, bắt chước những thử nghiệm của họ với “các nhà chuyên chính,” đã đẩy những người tin tưởng họ vào hết bất hạnh này đến bất hạnh khác.

Nói chung, chính chủ nghĩa tập trung chuyên chế, khắc nghiệt là chế độ được các trí thức cơ hội chủ nghĩa ưa thích vào thời điểm mà các phần tử cách mạng trong công nhân còn thiếu liên kết và phong trào còn đang mò mẫm tìm đường, giống như trường hợp hiện nay ở nước Nga. Trong giai đoạn muộn hơn, dưới một chế độ nghị viện và trong mối liên hệ với một đảng lao động mạnh, các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa của trí thức tự chúng bộc lộ qua xu thế ủng hộ “phi tập trung hoá.”

Nếu ta thừa nhận quan điểm mà Lê-nin vẫn tự nhận là của mình và chúng ta lo ngại ảnh hưởng của trí thức trong phong trào vô sản, ta có thể nhận ra không gì nguy hiểm cho đảng [Dân chủ Xã hội] Nga bằng kế hoạch tổ chức của Lê-nin. *Không gì chắc chắn biến một phong trào lao động non trẻ thành nô dịch của một nhóm tinh hoa trí thức khao khát quyền lực bằng cái lạt trôi quan liêu này, cái sẽ đông cứng phong trào và biến nó thành một cái máy do Ủy ban Trung ương điều khiển.* Mặt khác, không có cách bảo đảm chống lại mưu đồ cơ hội chủ nghĩa và tham vọng cá nhân nào hữu hiệu hơn hành động cách mạng độc lập của giai cấp vô sản, mà kết quả của nó là người công nhân giác ngộ được ý thức về trách nhiệm chính trị và tự tin vào chính mình.

Cái mà hôm nay chỉ là bóng ma đang ám ảnh tưởng tượng của Lê-nin có thể trở thành hiện thực trong nay mai.

Chúng ta chớ nên quên rằng cuộc cách mạng sắp nổ ra ở Nga sẽ là một cuộc cách mạng tư sản chứ không phải vô sản. Điều này làm thay đổi triệt để toàn bộ các điều kiện về đấu tranh giai cấp. Cũng như vậy, các trí thức Nga sẽ nhanh chóng thâm nhuần ý thức hệ tư sản. Phong trào Dân chủ Xã hội tại thời điểm này là kim chỉ nam cho giai cấp vô sản Nga.

Nhưng vào ngày hôm sau của cách mạng, chúng ta sẽ thấy giai cấp tư sản và quan trọng hơn cả là quần chúng tư sản như là viên đá lót đường đi tới sự thống trị của họ.

Ván bài của những tay mị dân tư sản sẽ trở nên dễ dàng hơn nếu vào giai đoạn hiện nay, sự phát triển ý thức chính trị, chủ động, hành động nội sinh của các bộ phận tiến bộ của giai cấp công nhân bị ngăn trở và bị hạn chế bởi sự bảo hộ của một Ủy ban Trung ương độc tài.

Quan trọng hơn nữa là sai lầm căn bản của ý tưởng nằm sau kế hoạch của chủ nghĩa tập trung vô độ - cái ý tưởng cho rằng con đường dẫn tới chủ nghĩa cơ hội có thể được ngăn chặn nhờ các điều khoản trong điều lệ đảng.

Chịu ấn tượng bởi những gì đang diễn ra gần đây trong các đảng xã hội chủ nghĩa ở Pháp, Ý, và Đức, các nhà Dân chủ Xã hội Nga có khuynh hướng coi chủ nghĩa cơ hội như một thành phần xa lạ, được đưa vào phong trào lao động bởi các đại diện của nền dân chủ tư sản. Nếu đúng như thế, các điều khoản xử lý vi phạm quy định bởi điều lệ đảng không thể nào ngăn chặn sự xâm nhập này. Sự thâm nhập của các thành viên phi vô sản là một hiệu ứng có những nguyên nhân xã hội sâu xa, như sự suy sụp về kinh tế của giai cấp tiểu tư sản, sự phá sản của chủ nghĩa tự do tư sản, và sự suy đồi của nền dân chủ tư sản. Thật là ngây thơ khi hy vọng ngăn chặn trào lưu này bằng một công thức được viết trong điều lệ.

Một bản nội quy có thể chi phối cuộc sống của một chi phái nhỏ hay một hội tư nhân. Tuy nhiên, một trào lưu lịch sử sẽ chảy xuyên qua tất cả mọi mắt lưới dẹt nên từ những cụm từ tinh vi nhất. Lại sai lầm hơn nữa khi cho rằng cự tuyệt các phần tử bị đẩy vào phong trào xã hội chủ nghĩa do sự mục nát của xã hội tư sản là bảo vệ quyền lợi của giai cấp cần lao. Phong trào Dân chủ Xã hội luôn luôn khẳng định rằng nó đại diện không chỉ cho quyền lợi giai cấp của giai cấp vô sản mà còn cho nguyện vọng tiến bộ của toàn thể xã hội đương thời. Nó đại diện cho quyền lợi của tất cả những ai bị đè nén dưới quyền thống trị tư sản. Điều đó không thể chỉ được hiểu theo cách cho rằng tất cả những quyền lợi này được bao hàm một cách trọn vẹn trong cương lĩnh xã hội chủ nghĩa. Tiến hoá lịch sử chuyển hoá một định đề cho trước thành hiện thực. Trong khả năng của mình với tư cách là một chính đảng, phong trào Dân chủ Xã hội trở thành nơi quần tụ tất cả các phần tử bất mãn trong xã hội và do đó của toàn thể nhân dân, trong sự đối lập với thiểu số ít ỏi các ông chủ tư bản.

Nhưng những người xã hội chủ nghĩa luôn phải biết làm thế nào để đưa nỗi khổ cực, đắng cay và niềm hy vọng của tập hợp đa dạng này vào quỹ đạo hướng theo mục tiêu tối thượng của giai cấp cần lao. Phong trào Dân chủ Xã hội phải quây kín sự hỗn độn của các phần tử phi vô sản chống đối lại xã hội đương thời vào trong phen dậu của hành động cách mạng vô sản. Nó nhất định phải đồng hoá các phần tử đến với nó.

Điều này chỉ có thể khả thi nếu phong trào Dân chủ Xã hội đã có được một hạt nhân vô sản được giáo dục về chính trị, vững chãi, có đủ ý thức, như đã phát triển như ở Đức hiện nay, để lôi kéo vào quỹ đạo của nó các phần tử tiểu tư sản và mất địa vị xã hội gia nhập đảng.

Trong trường hợp này, áp dụng nguyên lý tập trung hoá một cách chặt chẽ hơn và thiết lập kỷ luật nghiêm ngặt hơn, được quy định một cách đặc biệt trong điều lệ của đảng, có thể là một sự hộ vệ hữu hiệu chống lại mối nguy hiểm cơ hội chủ nghĩa. Đó chính là cách mà phong trào xã hội chủ nghĩa ở Pháp đã tự bảo vệ mình trước sự rối loạn của chủ nghĩa Jaures (Jauresism)<sup>14</sup>. Sửa đổi điều lệ trong phong trào Dân chủ Xã hội Đức theo hướng này sẽ là một biện pháp rất đúng lúc hiện nay.

Nhưng ngay cả ở đây chúng ta cũng không nên nghĩ điều lệ đảng là một vũ khí tự nó đã là đầy đủ. Nó cũng lắm chi là một công cụ cưỡng chế nhằm thực hiện ý chí của đa số vô sản trong đảng mà thôi. Nếu đa số này không đủ, những sắc lệnh nghiệt ngã nhất trên giấy tờ cũng sẽ không đem lại chút hiệu quả nào.

Tuy nhiên, sự thâm nhập của những phần tử tư sản vào trong đảng còn lâu mới là nguyên nhân duy nhất của các khuynh hướng cơ hội giờ đây đang ngóc đầu lên trong phong trào Dân chủ Xã hội. Một nguyên nhân nữa nằm ngay trong bản chất các hoạt động xã hội chủ nghĩa và những mâu thuẫn cố hữu bên trong nó.

Phong trào quốc tế của giai cấp vô sản hướng đến sự giải phóng hoàn toàn là một quá trình đặc biệt hiệu theo khía cạnh như sau. Lần đầu tiên trong lịch sử văn minh, nhân dân thể hiện ý chí của họ một cách có ý thức và đương đầu với tất cả các giai cấp thống trị. Nhưng ý chí này chỉ có thể được thoả mãn khi vượt lên trên giới hạn của hệ thống hiện hành.

Giờ đây quần chúng chỉ có thể giác ngộ và tăng cường ý chí này trong bối cảnh của cuộc đấu tranh hàng ngày hàng giờ chống lại trật tự xã hội đương thời - tức là, trong giới hạn của xã hội tư bản chủ nghĩa.

Một mặt, chúng ta có quần chúng; mặt khác, chúng ta có mục tiêu lịch sử của họ, cái nằm ngoài xã hội hiện hành. Một mặt, chúng ta có cuộc đấu tranh hàng ngày hàng giờ; mặt khác, chúng ta có cách mạng xã hội. Đó là những thành phần của mâu thuẫn biện chứng mà thông qua chúng, phong trào xã hội chủ nghĩa phát triển.

Do đó, phong trào này có thể tiến lên một cách tốt nhất nhờ liên tục thay đổi chiến thuật để đi vào giữa mà không sa vào hai mối nguy hiểm nó thường xuyên phải đối mặt. Thứ nhất là đánh mất tính chất quần chúng; thứ hai là từ bỏ mục tiêu của nó. Một cái là mối nguy chìm đắm trở lại trạng thái của một chi phái; còn cái kia, là mối nguy trở thành một phong trào cải lương xã hội của bọn tư sản.

Điều ấy lý giải vì sao sẽ là hão huyền, và mâu thuẫn với kinh nghiệm lịch sử, nếu hy vọng ấn định, một lần và mãi mãi, đường hướng của cuộc đấu tranh xã hội chủ nghĩa cách mạng nhờ một phương tiện chính thức, cái được kỳ vọng là bảo đảm cho phong trào lao động tránh được mọi khả năng của sự trệch đường mang tính cơ hội chủ nghĩa.



Lý thuyết Mác-xít cho chúng ta một công cụ đáng tin cậy cho phép ta nhận ra và tấn công các biểu hiện tiêu biểu của chủ nghĩa cơ hội. Nhưng phong trào xã hội chủ nghĩa là một phong trào quần chúng. Hoàn cảnh của nó không phải là sản phẩm của những mưu đồ nham hiểm của các cá nhân hay phe nhóm. Chúng nảy sinh từ những điều kiện xã hội tất yếu. Chúng ta không thể nào tự bảo đảm trước sẽ tránh được mọi khả năng trệch hướng mang tính cơ hội chủ nghĩa. Những mối hiểm nguy này chỉ có thể được khắc phục bởi chính bản thân phong trào - hiển nhiên là với sự trợ giúp của lý thuyết Mác-xít, nhưng chỉ khi những mối nguy ấy đã hiện hữu trong thực tế.

Nhìn từ góc độ này, chủ nghĩa cơ hội có vẻ như là một sản phẩm và một pha tất yếu của sự phát triển lịch sử của phong trào lao động.

Phong trào Dân chủ Xã hội Nga mới xuất hiện một thời gian ngắn gần đây. Các điều kiện chính trị mà nhờ đó phong trào vô sản đang phát triển ở Nga là khá bất thường. Ở nước này, chủ nghĩa cơ hội nhiều khả năng là một sản phẩm phụ của sự mò mẫm và thử nghiệm của các hoạt động xã hội chủ nghĩa tìm cách tiến lên trong một hoàn cảnh không giống Châu Âu chút nào.

Theo cách nhìn như thế, chúng ta vô cùng kinh ngạc với lời tuyên bố rằng có thể loại trừ mọi khả năng của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào ở Nga bằng cách viết ra một vài câu trong điều lệ đảng, mà chẳng cần đến phương cách khác. *Cái mưu toan xử trí với chủ nghĩa cơ hội bằng một hai mẫu giấy có thể trở nên vô cùng tai hại – không phải với chủ nghĩa cơ hội, mà với phong trào xã hội chủ nghĩa.*

Chấm dứt nhịp đập tự nhiên của một cơ thể sống, rồi anh làm yếu nó, rồi anh thu hẹp sức đề kháng và tinh thần chiến đấu của nó, - trong ví dụ này, không chỉ chống lại chủ nghĩa cơ hội, mà còn (và điều này hiển nhiên là tối quan trọng) chống lại trật tự xã hội hiện hành. Phương tiện định dùng ấy trở lại chống lại chính cái mục đích mà họ định đạt tới.

Trong cái khao khát ưu tư quá mức của Lê-nin nhằm thiết lập một ban giám hộ của một Ủy ban Trung ương tối cao và toàn giác để bảo vệ một phong trào lao động đang sôi nổi và đầy hứa hẹn khỏi đi lệch bước, chúng ta nhận ra triệu chứng của cùng thứ chủ nghĩa chủ quan đã từng bày trò bịp bợm không chỉ một lần trong tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở Nga.

Thật ngộ nghĩnh khi lưu ý rằng những cú nhảy múa nhào lộn kỳ dị liên quan đến cái “ngã” con người đã phải diễn ra trong lịch sử gần đây của nước Nga. Bị hạ đo ván, gần như đã bị chìm xuống bùn bởi chính thể chuyên chế Nga, cái “ngã” báo thù bằng cách biến thành hành động cách mạng. Dưới hình thức của một ủy ban những kẻ chủ mưu, dưới danh nghĩa một Ý chí của Nhân dân không hề tồn tại, nó tự ngồi vào một loại ngai vàng và tuyên bố nó là tối cao quyền lực. [Một tham khảo là một nhóm những kẻ chủ mưu tấn công chế độ Sa hoàng từ năm 1879 đến năm 1883 bằng các hành động khủng bố và cuối cùng đã ám sát Alexander Đệ Nhị. - phụ chú của bản tiếng Anh] Nhưng “khách thể” lại chứng tỏ là mạnh

mẽ hơn. Cây roi da đã chiến thắng, vì chủ nghĩa Sa hoàng dường như là cách bầy tỏ “chính thống” của lịch sử.

Giờ đây chúng ta thấy đứa trẻ của lịch sử, xuất hiện trên sân khấu và thậm chí còn “chính thống” hơn – đó là phong trào lao động Nga. Lần đầu tiên, những nền tảng cho sự hình thành một “Ý chí của Nhân dân” thực sự được dựng nên trên mảnh đất Nga.

Nhưng ở đây lại một lần nữa là cái “ngã” của những nhà cách mạng Nga! Cầm ngược xoay tròn trên cái đầu của nó, nó lại một lần nữa tuyên bố nó chính là quan đốc chính tuyệt đỉnh quyền uy của lịch sử - lần này dưới xung danh Quý Ngài Ủy ban Trung ương Dân chủ Xã hội Nga.

Anh diễn viên nhào lộn lanh lẹ đã không thể nhận thức được rằng “đối tượng” duy nhất ngày nay xứng đáng được trao vai trò đốc chính là cái “ngã” tập thể của giai cấp cần lao. Giai cấp cần lao đòi hỏi quyền phạm sai lầm rồi học hỏi từ biện chứng của lịch sử.

Cho chúng tôi nói trắng ra. Xét về mặt lịch sử, những sai lầm gây ra bởi một phong trào cách mạng chắc chắn có ý nghĩa hơn nhiều so với cái không-thể-sai-lầm của một Ủy ban Trung ương thông minh nhất.



### ***Phụ lục: Sơ lược tiểu sử của Rosa Luxemburg***

Rosa Luxemburg sinh ngày 5 tháng Năm năm 1871 ra trong một gia đình gốc Do Thái tại Zamoshc, công quốc Ba Lan. Bà tham gia cách mạng từ khi còn rất trẻ và năm 18 tuổi đã lưu vong sang Thụy Sĩ nhằm tránh sự truy nã của chính quyền. Ở đây, bà tiếp tục tham gia hoạt động cách mạng, đồng thời nghiên cứu Kinh tế Chính trị và Luật học. Năm 1898 bà nhận bằng tiến sỹ. Thời gian này, bà quen biết nhiều nhà cách mạng Nga, trong đó có Plekhanov. Tuy nhiên, mâu thuẫn nổ ra khi Luxemburg bất đồng về vấn đề “quyền tự quyết” cho Ba Lan. Bà cho rằng vào thời điểm này, đặt vấn đề quyền tự quyết chỉ làm cho tư sản Ba Lan trởi dậy. Kết quả của mỗi mâu thuẫn này là sự

phân ly của Luxemburg với cả hai Đảng XHCN Nga lẫn Ba Lan. Bà cùng các đồng chí thành lập Đảng Dân chủ Xã hội Ba Lan, trong đó bà đóng vai trò như một nhà lý luận hàng đầu.

Năm 1898 Luxemburg rời Zurich đi Berlin và gia nhập đảng Lao động Xã hội Dân chủ Đức. Giữa môi trường cách mạng mới, đang sôi sục và đầy thách thức, Luxemburg nhanh chóng khẳng định vị trí nổi trội nhờ vào ngòi bút sắc sảo và cá tính mãnh liệt của mình.

Trong thời gian này, vấn đề đường lối đấu tranh và hành động đang là trung tâm của các cuộc tranh luận nảy lửa trong nội bộ đảng. Nhằm giáng trả quan điểm của Bernstein, người cho rằng các cải cách xã hội đương thời tự chúng là mục đích tối hậu của phong trào, bà công bố tác phẩm “Cải lương và Cách mạng” (1900) qua đó vạch rõ các cuộc cải cách xã hội chỉ là *phương tiện* của đấu tranh giai cấp, và mục đích tối hậu của cải cách xã hội phải là một cuộc cách mạng triệt để. Năm 1906 bà phát triển lý thuyết Bãi công Đại chúng (Mass Strike), coi đó là vũ khí mạnh nhất của giai cấp vô sản. Năm 1913, trước những căng thẳng của châu Âu trước Thế Chiến I, Luxemburg viết *Sự tích lũy tư bản*, với tham vọng như là sự tiếp nối những phần Marx chưa kịp viết trong bộ *Tư bản*. Trong tác phẩm này, Luxemburg tiên đoán chủ nghĩa đế quốc quân phiệt sẽ là cái phải đến của chủ nghĩa tư bản. Khi Thế chiến I bùng nổ, bà phản đối dữ dội khuynh hướng sô-vanh XHCN đang bùng lên trong đảng. Khi mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm, bà cùng Karl Liebknecht (1871-1919) tuyên bố rời bỏ đảng và thành lập *Liên đoàn Spác-ta-cút*, tuyên truyền chống lại chủ nghĩa sô vanh, kêu gọi binh lính Đức thay vì ra trận, hãy quay súng lật đổ chính quyền. Bà và Karl Liebknecht bị tổng giam vì tội danh sách động bạo loạn. Trong tù, bà tiếp tục viết sách tuyên truyền, xây dựng nền tảng lý luận dẫn đường cho Liên đoàn Spác-ta-cút. Đồng thời, bà cho ra đời tác phẩm nổi tiếng của mình: *Cuộc cách mạng Nga*, trong đó kịch liệt phê phán khuynh hướng độc tài đang hình thành nhanh chóng ở Nga sau Cách mạng Tháng Mười. Bà viết: "Đúng, phải chuyên chính! Nhưng sự chuyên chính phải bao hàm *thái độ vận dụng dân chủ*, chứ không phải *loại trừ nó*, trong những cuộc tấn công cương quyết, mãnh liệt vào các đặc quyền đặc lợi và quan hệ kinh tế của xã hội tư sản, mà không có chúng thì sự quá độ XHCN không thể nào thành công. Nhưng quyền chuyên chính này nhất định phải là công việc của *giai cấp* chứ không phải là một thiểu số lãnh đạo nhỏ nhoi nhân danh quần chúng – nghĩa là, nó phải thúc đẩy từng bước một sự tham gia tích cực của quần chúng; nó phải nằm trong ảnh hưởng trực tiếp của họ, chịu sự kiểm soát của hoạt động công khai triệt để; nó phải là thành quả của sự rèn luyện chính trị ngày càng lớn mạnh của quần chúng nhân dân."

Tháng Mười Một năm 1918, chính quyền Đức phải miễn cưỡng trả tự do cho Luxemburg và các đồng chí của bà. Ngay lập tức bà cùng các đồng chí phát động các hoạt động cách mạng mới. Cuối năm 1918, bà cùng Karl Liebknecht thành lập Đảng Cộng sản Đức trong bối cảnh bạo động bắt đầu tràn lan trên đường phố vì những sách động của Liên đoàn Spác-tu-cút.

Ngày 15 tháng Một năm 1919, Luxemburg cùng các nhà lãnh đạo đảng bị bắt giữ và bị đánh đập dã man đến bất tỉnh. Không ai biết điều gì đã xảy ra trong giờ phút cuối cùng của họ. Nhiều sử gia cho rằng Luxemburg và Liebknecht bị quăng lên xe trong trạng thái bất tỉnh, bị bắn chết và sau đó xác bị vứt xuống sông.

---

## Chú thích cho bản dịch

<sup>1</sup> Phụ đề này do người dịch bản tiếng Việt tự đặt. Bài viết này thoạt đầu được xuất bản như một bài báo vào năm 1904 dưới nhan đề "Các vấn đề tổ chức của phong trào Dân chủ Xã hội Nga" trên tờ *Iskra (Tia lửa)* và *Neue Zeit*, sau đó được in lại dưới dạng một cuốn sách mỏng nhan đề *Chủ nghĩa Mác với Chủ nghĩa Lê-nin*. Năm 1934 NXB Integer xuất bản bằng tiếng Anh dưới tiêu đề *Tổ chức xã hội chủ nghĩa cách mạng (Revolutionary Socialist Organization)* và NXB Anti-Parliamentary Communist Federation, Glasgow (Anh) xuất bản năm 1935 dưới tiêu đề *Chủ nghĩa Lê-nin hay chủ nghĩa Mác?*. Năm 1961, NXB Đại học Michigan in lại bản dịch của NXB Integer, là bản đã được phổ biến trong công chúng, trong tác phẩm *Cuộc Cách mạng Nga và Chủ nghĩa Lê-nin hay chủ nghĩa Mác? (The Russian Revolution and Leninism or Marxism?)* với lời giới thiệu của Bertram Wolfe. Bài viết này cũng xuất hiện dưới nhan đề "Các vấn đề tổ chức của phong trào Dân chủ Xã hội" trong bộ tuyển tập *Rosa Luxemburg Speaks* của NXB Pathfinder Press năm 1970.

<sup>2</sup> *Bismark và Luật chống CNXH*: Otto von Bismark (1815-98), nhà lãnh đạo chính trị và quân sự lỗi lạc Phổ, làm thủ tướng Đức từ năm 1862 đến 1890. Ông có công dẫn dắt nước Phổ lên đỉnh cao vinh quang của Đế chế II, thống nhất nước Đức và thiết lập một trật tự mới ở châu Âu, trong đó nước Đức tự khẳng định như một cường quốc mới. Là người nổi tiếng cứng rắn, ông từng tuyên bố về Cách mạng Đức 1848 như sau: "Không phải nhờ những bài diễn văn hay ý kiến của đa số mà ta có thể quyết định được những vấn đề hệ trọng của ngày nay - đó là sai lầm của những năm 1848 và 1849, mà phải thông qua máu và sắt" (bài phát biểu năm 1862). Luật chống chủ nghĩa xã hội do Bismark đưa ra được Quốc hội Đức thông qua ngày 18 tháng Mười năm 1878, theo đó đặt tất cả các hoạt động xã hội, chính trị và tư tưởng mang tính XHCN và cộng sản ra ngoài vòng pháp luật. Khoảng 900 công nhân đã bị lưu đày, 1500 người bị xử án tù ở nhiều mức khác nhau, 1300 ấn phẩm bị cấm, và 332 tổ chức lao động bị buộc phải đóng cửa. Vì lý do này, phong trào XHCN Đức phải đi vào hoạt động bí mật và nhiều tổ chức dời sang Thụy Sĩ. Luật chống XHCN tước quyền hội họp và xuất bản của các tổ chức XHCN. Tuy nhiên, cũng chính Bismark đã xoa dịu phong trào công nhân bằng các chính sách phúc lợi mềm dẻo hơn, như là những dấu hiệu báo trước một nhà nước phúc lợi hiện đại.

<sup>3</sup> *Làm gì?* (1902) và *Một bước tiến, hai bước lùi* (1904) là hai tác phẩm trình bày rõ nhất tư tưởng tổ chức đảng của Lê-nin, qua đó khẳng định chủ nghĩa tập trung dân chủ như là nền tảng cho các đảng cách mạng, sau này được những người Lê-nin-nít gọi là mô hình "tổ chức đảng kiểu mới."

<sup>4</sup> *Báo Tia lửa (Iskra)*: Tờ báo của đảng Dân chủ Xã hội Nga, phát hành số đầu tiên tháng 12 năm 1900 dưới sự lãnh đạo của Plekhanov, Lê-nin và Martov. Sau sự phân ly của hai phái Men-sê-víc và Bôn-sê-víc trong đảng, tờ báo thuộc sự quản lý của phái Men-sê-víc.

<sup>5</sup> *Phái Gia-cô-banh*: Một câu lạc bộ chính trị được thành lập năm 1789 trong Đại cách mạng Pháp. Nhóm có tên gọi dân dã Gia-cô-banh (Jacobin) vì hay hội họp trong một nhà thờ dòng Đô-mi-níc, mà người Paris gọi là dòng Gia-cô-banh. Khi tạm thời nắm được chính quyền trong Cách mạng Pháp, phái này đã chủ trương sử dụng bạo lực và khủng bố để thanh trừng (thường bằng cách xử tử) các phần tử bị quy là phản cách mạng, trong đó có cả các đồng minh trước đây của mình. Sau khi các lãnh tụ của phái Gia-cô-banh, mà nổi tiếng hơn cả là Maximilien Robespierre, bị bắt và đưa lên máy chém (ngày 27/7/1794), phái này tan rã. Tinh thần cách mạng (bạo lực) của những người Gia-cô-banh được nhiều nhóm cách mạng sau này ngợi ca. Các Mác coi đó là đỉnh cao của CM Pháp.

<sup>6</sup> *Louis Augustin Blanqui* (1805-81): nhà cách mạng chuyên nghiệp Pháp, chống đối mãnh liệt tất cả các chính quyền đương thời mà ông cho là kẻ thù của giai cấp vô sản. Vì là người chủ trương cũng như tiến hành kích động bạo loạn không mệt mỏi, ông phải chịu nửa đời trong tù với rất nhiều loại án khác nhau, đồng thời ít nhất đã hai lần lĩnh án tử hình, (nhưng đều được giảm án hoặc ân xá). Khi cuộc cách mạng 1872 nổ ra (công xã Paris) ông được bầu làm thành viên chính phủ lâm thời (trước đó một tuần ông vừa nhận một bản án tử hình). Công xã thất bại, ông bị kết án lưu đày, nhưng vì lý do sức khoẻ nên bị hạ ngục ở Paris. Năm 1879 ông được bầu làm nghị sĩ vùng Bóc-đô trong một cuộc trưng cầu không được chấp nhận. Tuy nhiên, nhờ đó ông được ra tù ở tuổi 75 và ngay lập tức tiếp tục hăng say cổ vũ cho các cuộc bạo động mới. Cuối năm 1880 ông bị đứt mạch máu não sau một bài kêu gọi cách mạng ở Paris và chết ngay sau đó.

<sup>7</sup> *Alexander Helphand Parvus* (1869-1824): nhà lý luận Mác-xít, có quan điểm tương tự Trosky về cách mạng thường trực. Nhưng khi Thế Chiến I bùng nổ, ông ủng hộ quan điểm chủ chiến, dẫn đến sự đoạn tuyệt trong quan hệ với Trosky.

<sup>8</sup> *Chủ nghĩa kinh tế (Economism)*: chủ trương của một nhóm tự xưng là các "nhà kinh tế" Nga, hoạt động mạnh trong những năm 1897-1902, với cơ quan ngôn luận là tờ báo *Rabochaya Mysl* (Tư tưởng của người công nhân) (1897-1902) và tạp chí *Rabocheye Dyelo* (Sự nghiệp của người công nhân) (1899-1902). Chủ trương của phái này là công nhân Nga nên chỉ giới hạn ở "đấu tranh kinh tế" như đòi tăng tiền công, cải thiện điều kiện làm việc. Lê-nin đã phê phán kịch liệt tư tưởng của phái này trong cuốn *Làm gì?*.

<sup>9</sup> *Chủ nghĩa dân túy Nga*: một hình thức xã hội chủ nghĩa trong nước Nga nông nghiệp, bắt đầu phát triển từ những năm 1860, chịu nhiều ảnh hưởng từ những tác phẩm của Aleksandr Herzen. Phong trào này cố gắng cải biến tư tưởng XHCN vào điều kiện nước Nga lúc bấy giờ. Mô hình xã hội lý tưởng của họ dựa trên những công xã nông nghiệp tự quản nhỏ, liên minh với nhau trên cơ sở tự nguyện và không cần đến nhà nước. Những người dân túy thoát tiên nỗ lực xâm nhập nông thôn Nga vào năm 1874 nhưng không thành công. Năm 1876 họ thành lập một hội kín mang tên *Đất đai và Giải phóng* nhằm thúc đẩy một cuộc khởi nghĩa cách mạng của quần chúng. Bị cảnh sát ngăn không cho xâm nhập nông thôn, họ nhanh chóng bị tha hoá thành một phong trào khủng bố, biết đến như là nhóm *Ý chí của Nhân dân* (năm 1879), và tiến hành khủng bố, ám sát chính trị. Năm 1881 họ ám sát thành công Sa hoàng Alexander Đệ Nhị. Sau đó, chủ nghĩa dân túy dần dần thoái trào nhưng tinh thần của họ có ảnh hưởng sâu đậm đến thể hệ các nhà cách mạng Nga sau này. Năm 1901, đảng Cách mạng XHCN Nga được thành lập như là sự kế thừa của phong trào này.

<sup>10</sup> *Ferdinand Lassalle* (1825-64): lãnh tụ phong trào XHCN Đức, có ảnh hưởng chính trị rất lớn lúc sinh thời. Ông chủ trương “CNXH nhà nước”, cho rằng nếu công nhân gây sức ép chính trị đủ lớn sẽ buộc nhà nước phải cung ứng đủ nhiều tư bản để họ thành lập các hợp tác xã. Ông là người sáng lập Tổng Hội Công nhân Đức (Allgemeine Deutsche Arbeiterverein) (ngày 23/5/1863), chính đảng đầu tiên của công nhân Đức, tiền thân của Đảng Dân chủ Xã hội Đức. Ông chết trong một cuộc đấu súng liên quan đến mâu thuẫn tình ái.

<sup>11</sup> *Eisenach Congress*: Đại hội công nhân diễn ra ở Eisenach (Đức) năm 1869 dưới sự lãnh đạo của W. Liebknecht và môn đệ của ông A. Babel (xem chú thích tiếp theo), dẫn đến thành lập đảng Lao động Dân chủ Xã hội Đức.

<sup>12</sup> *Wilhelm Liebknecht* (1826–1900): nhà cách mạng, nhà lý luận, nhà báo, lãnh tụ phong trào XHCN Đức. Ông tham gia cuộc cách mạng Đức 1848–49 và sau đó phải sống lưu vong. Ông sống ở Anh đến năm 1862, và trong giai đoạn này quen thân Các Mác. Mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng từ Mác, ông vẫn không đồng ý với Mác về nhiều nguyên lý căn bản của CNXH. Quay trở lại Đức, lúc đầu ông tham gia vào nhóm của Lassalle, nhưng nhanh chóng rời bỏ vì những bất đồng trên phương diện lý luận. Năm 1869 ông cùng môn đồ là August Babel thành lập đảng Lao động Dân chủ Xã hội. Năm 1875 đảng của ông hợp nhất với đảng của Lassalle thành đảng Lao động XHCN. Ông và Babel bị Bismark kết tội phản quốc do phản đối cuộc chiến tranh Pháp-Phổ do Bismark khởi xướng, và bị hạ ngục hai năm (1872–74). Tuy nhiên, sau khi ra tù ông được bầu vào Quốc hội Đức (Reichstag) và giữ cương vị dân biểu đến cuối đời. Ông có nhiều tác phẩm lý luận về phong trào XHCN và biên tập nhiều tờ báo cho phong trào. Ông là cha của nhà cách mạng Karl Liebknecht (1871-1919), (xem tiểu sử Rosa Luxemburg).

<sup>13</sup> *August Babel* (1840-1913): công nhân và sau đó là nhà cách mạng Đức. Ông là Nghị sĩ Quốc hội Đức từ năm 1867, nhưng bị hạ ngục cùng Liebknecht vào năm 1872 (xem chú thích 11). Sau khi ra tù ông vẫn là nghị sĩ. Nhưng bài phát biểu này lửa của ông trong Quốc hội là những đóng góp lớn cho phong trào Dân chủ Xã hội Đức.

<sup>14</sup> *Jean Jaurès* (1859-1914): nhà lý luận và hành động cấp tiến Pháp, người sáng lập báo *l'Humanité*. Là một người XHCN nhưng ông chưa bao giờ là một người Mác-xít, vì ông không tán thành quan điểm bạo lực của Mác. Ông ủng hộ quan điểm đấu tranh chính trị để dần dần tiến tới chế độ Dân chủ Xã hội. Ông bị một kẻ theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan ám sát vào năm 1914, trước khi cuộc Thế chiến I bùng nổ.